

Bản án số: 72/2024/DS - PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2024
*V/v Tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền
Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Bích Lợt; Việt
Ông Nguyễn Khắc Chiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 72/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS - ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 83/2024/QĐXX - PT ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chử Thị S, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà B, ngách B, ngõ C, đường X, phường X, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Chử Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Bà S, bà H ngày 09/9/2024 có mặt; ngày 12/9/2024 bà H có mặt, bà S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Chử Thị S trình bày: Bố bà là Chử Văn B (chết năm 1989), mẹ bà là Nguyễn Thị T (chết năm 2015); bố mẹ bà sinh được 05 người con chung, mẹ bà có một con riêng và bố bà có hai con riêng, tổng cộng là 08 người con. Khi còn sống, bố mẹ bà có tài sản là thửa đất số 644, tờ bản đồ số 14, (Loại bản đồ 299) ở khu I, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trên đất có nhà ở. Bố bà chết không để lại di chúc.

Sau khi bố bà chết thì mẹ bà trực tiếp ở và quản lý nhà, đất này. Nhưng ngày 28/11/1998, bà Chử Thị H đã tự ý lập di chúc thay mẹ bà nhưng mẹ bà không biết; căn cứ vào di chúc này, bà H đề nghị UBND xã Sai Nga lập hồ sơ tách thửa đất số 644, tờ bản đồ số 14 thành ba thửa đất là 644C là 168m², tên chủ hộ là Chử Thị S; thửa đất số 644B, diện tích 370m² tên bà Nguyễn Thị T; thửa đất số 644A diện tích 260m² tên chủ hộ Chử Thị H. Tuy nhiên, trên thực tế bà lại được giao sử dụng thửa đất 466A, bà H sử dụng thửa đất 466C. Vì vậy, ngày 08/6/2007, UBND huyện C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất là 644C là 168 m², tên chủ hộ là Chử

Thị S thành thửa đất 644A, diện tích tăng 4 m² thành 172 m², tên chủ hộ Chủ Thị S, còn thửa đất 644A, diện tích 260 m² tên chủ hộ Chủ Thị H lại được UBND huyện C cấp đổi ngày 08/6/2007 thành thửa 644C, diện tích tăng lên thành 268m², còn thửa đất số 644B, diện tích 370 m² tên bà Nguyễn Thị T ở giữa thì không thay đổi.

Kể từ khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là thửa đất số 644C là 168m² ngày 22/12/1999 thì bà không được giao đất và cũng không được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng này, mà thực tế bà H là người trực tiếp quản lý và sử dụng đất này và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà từ khi được cấp mà bà không biết.

Cùng ngày 08/6/2007sau khi được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà H giả mạo hợp đồng tặng cho giữa bà và bà H nội dung bà tặng cho bà H thửa đất 644A, diện tích 172 m² trị giá không đồng, bà đã đề nghị và được giám định là hợp đồng giả mạo.

Ngày 02/10/2009, thửa đất số 644A của bà bị thu hồi 61,7 m², diện tích còn lại 110,3 m², được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Chủ Thị H là thửa số 151, tờ bản đồ số 14 (VN B) tại khu I, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Phần diện tích đất thửa đất 644A bị thu hồi 61,7 m² thì được cấp thửa đất tái định cư mới là thửa 41, tờ bản đồ số 14, diện tích 200 m², loại đất ở tại khu Đ, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ đứng tên Chủ Thị H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết thì bà mới biết được quyền của bà đối thửa đất số 644C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/12/1999 nhưng bị bà H cố ý chiếm đoạt. Việc bà H cố ý quản lý thửa đất số 644C từ ngày 22/12/1999 và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà diện tích 168m², tính đến ngày khởi kiện 04/10/2023 đã gây thiệt hại cho bà. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà H phải bồi thường thiệt hại các khoản tiền như sau:

1. Thiệt hại trong thời gian bà H giữ đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 22/12/1999 đến ngày 08/6/2007 (ngày cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 90 tháng), giá trị tài sản được định giá căn cứ theo bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ là: $(168 \text{ m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/ m}^2 \times 0,8\% / \text{tháng} \times 90 \text{ tháng} = 302.400.000 \text{ đồng}$.

2. Thiệt hại trong thời gian từ ngày 08/6/2007 đến ngày 02/10/2009 (từ khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 1 ngày thu hồi 1 phần diện tích đất là 28 tháng) giá trị tài sản được định giá theo bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Thửa đất số 644C đổi thành thửa đất số 644A là: $(172 \text{ m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/ m}^2) \times 0,8\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 96.320.000 \text{ đồng}$.

3. Thiệt hại trong thời gian từ ngày 02/10/2009 đến ngày 21/9/2022 (thời điểm thoả thuận theo bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ (155 tháng), diện tích còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi (110,3 m² x 2.500.000 đồng/m²) x 0,8%/tháng x 155 tháng = 341.930.000 đồng.

4. Thừa đất số 41, diện tích 200 m² tính từ ngày 02/10/2009 đến ngày 21/9/2022 (diện tích đất được tái định cư) là 155 tháng là (200 m² x 2.000.000 đồng/m²) x 0,8%/tháng x 155 tháng = 496.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà yêu cầu bà Chủ Thị H phải bồi thường tại mục 1, 2, 3, 4 là 1.236.650.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Chủ Thị H trình bày: Bà thừa nhận quan hệ nhân thân bà Chủ Thị S trình bày về bố, mẹ và các con. Sau khi bố mẹ bà chết, thời điểm tranh chấp và được Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022.

Nguồn gốc thửa đất 644, tờ bản đồ số 14 là của bố mẹ bà sử dụng; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 1994; đến năm 1994, mẹ bà tách thửa đất 644 một phần cho bà và một phần cho bà Chủ Thị S ở hai đầu thửa đất 644, phần còn lại ở giữa mẹ bà vẫn sử dụng. Khi lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất của bà và thửa đất của bà S bị nhầm số thửa đất so với bản đồ. Sau khi bà và bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà chỉ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà. Phần đất cụ T tách cho bà S, nhưng do bà S không ở địa phương nên cụ T vẫn quản lý phần đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S. Nên bà S cho rằng bà đã chiếm đất và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S là không đúng.

Do bà S không có nhu cầu sử dụng phần đất mẹ bà cho bà S, nên đến năm 2006, bà S đã chuyển nhượng lại phần đất này cho bà, nhưng khi đến chính quyền địa phương thực hiện thủ tục chuyển nhượng thì mới phát hiện thửa đất của bà và của bà S nhầm lẫn số thửa của nhau, cụ thể thửa đất của bà theo bản đồ phải là 644C, của bà S phải là 644A. Vì vậy, bà phải đề nghị UBND xã S lập hồ sơ cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất cho bà và cho bà S là thửa đất 644C thành thửa đất 644A, còn của bà là từ 644A thành thửa 644C. Nhưng thực tế bà phải nhận chuyển nhượng phần đất này của bà S số tiền 79.000.000 đồng và hai bên thoả thuận bà phải chịu chi phí thực hiện thủ tục chuyển nhượng, nhưng Ủy ban nhân dân xã L thực hiện thành hợp đồng bà S tặng cho bà quyền sử dụng đất, sau đó bà được cấp giấy chứng nhận phần đất bà S chuyển nhượng cho bà.

Năm 2009, dự án đường cao tốc thu hồi 61,7 m² đất thuộc thửa đất 644A bà đã mua của bà S năm 2006, thì bà được quy hoạch giao một ô đất tái định cư mới diện tích 200 m² và được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần còn lại 110,3 m². Bà không có hành vi chiếm dụng trái pháp luật đất của bà S trong thời điểm từ năm 1999 đến năm 2007 như bà S đã trình bày và cũng không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà S mà do cụ T quản lý. Sau khi cụ T chết, phát sinh thừa kế di sản của cụ T để lại và bà S khởi kiện yêu cầu giải quyết, tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022, anh em bà đã xác định lại toàn bộ 03 thửa đất (644A, 644B và 644C) có nguồn gốc là của cụ T và được đưa ra giải quyết và thoả thuận chia lại, được Toà án công nhận sự thoả thuận.

Bà không sử dụng đất của bà S, bà không gây thiệt hại gì cho bà S. Vì vậy, bà không chấp nhận đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại bà S đã yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS- ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 584 của Bộ luật dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chử Thị S đề nghị bà Chử Thị H phải bồi thường thiệt hại đối với thửa đất số 644C, tờ bản đồ số 14, tại khu I, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ của bà Chử Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ ngày 22/12/1999 (nay là khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa đất số 644A ngày 08/6/2007, đến ngày 21/9/2022, số tiền 1.236.650.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 5/7/2024 bà Chử Thị S – Là nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm bà Chử Thị S thay đổi kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, sau đó lại thay đổi lại là đề nghị Hội đồng xét xử Hủy bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Chử Thị S. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê. Bà Chử Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Kháng cáo của bà Chử Thị S – Là nguyên đơn được thực hiện trong thời hạn quy định nên đủ điều kiện xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Chử Thị S – Là nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo của bà S về việc Thẩm phán đã bỏ đi một số tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp không đưa vào hồ sơ, không đánh số bút lục và không được thẩm phán công khai tài liệu, chứng cứ:

Quá trình giải quyết vụ án, bà S cho rằng bà đã nộp một số tài liệu chứng cứ như: Bản án sơ thẩm số 07 ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, giấy chứng nhận hộ kinh doanh cá thể của bà S, bảng giá đất của huyện C, thông báo của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện C, đơn đề nghị phong tỏa tài sản đối với bà H của bà S ngày 28/3/2024... và một số tài liệu là bản photo. Tuy nhiên,

xét thấy có những tài liệu chứng cứ đó đã được xem xét, giải quyết trong bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà S và bà H; một số tài liệu chứng cứ là bản photo và một số tài liệu chứng cứ không liên quan đến việc giải quyết tranh chấp giữa bà S và bà H trong vụ án này. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, bà S đã nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ và tài liệu, chứng cứ này đã được cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá.

[2.2]. *Đối với kháng cáo của bà Chủ Thị S về nội dung:* Về quá trình sử dụng thửa đất 644C từ bản đồ 14 bà S đề nghị bà H phải bồi thường thiệt hại từ ngày 22/12/1999 đến ngày 08/6/2007 (ngày cấp đổi GCNQSD đất là 90 tháng), giá trị tài sản được định giá căn cứ theo bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là $168 \text{ m}^2 \times 2.500.000 \text{ đồng/m}^2 \times 0,8\% / \text{tháng} \times 90 \text{ tháng} = 302.400.000\text{đ}$, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 22/12/1999 đến ngày 08/6/2007, bà Chủ Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là thửa 644C. Bà S cho rằng bà H quản lý, sử dụng đất và quản lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gây thiệt hại cho bà nhưng bà không đưa được căn cứ nào để chứng minh và không được bà H thừa nhận. Trong khi đó, bà S lại đưa ra căn cứ tính thiệt hại là giá quyền sử dụng đất định giá để chia di sản thừa kế để xác định số tiền lãi là thiệt hại để yêu cầu bồi thường là không có căn cứ để chấp nhận.

- *Quá trình sử dụng thửa đất 644C từ ngày 08/6/2007 đến ngày cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/10/2009 (từ khi cấp đổi giấy chứng nhận đất lần 1 đến ngày thu hồi 1 phần diện tích đất là 28 tháng) giá trị tài sản được định giá theo Bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Thửa đất số 644C đổi thành thửa đất số 644A là $172 \text{ m}^2 \times 2.500.000\text{đ/m}^2 \times 0,8\% / \text{tháng} \times 28 \text{ tháng} = 96.320.000\text{đ}$, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Chủ Thị H cho rằng bà Chủ Thị S là người chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 644C cho bà nhưng bà H không đưa ra được căn cứ để chứng minh, chỉ có cơ sở về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa 644C thành thửa đất số 644A cho bà S và đổi thửa đất 644A thành thửa 644C ngày 08/6/2007. Như vậy, vị trí thửa đất hai bên sử dụng không có sự thay đổi, chỉ thay đổi số thửa trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bà S cho rằng bà H sử dụng đất gây thiệt hại cho bà nhưng cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh mà lại căn cứ giá quyền sử dụng đất định giá để chia di sản thừa kế để xác định số tiền định giá làm căn cứ để tính số tiền lãi là thiệt hại để yêu cầu bồi thường là không có căn cứ để chấp nhận.*

- *Xét quá trình sử dụng thửa đất 644A từ ngày 02/10/2009 đến ngày xét xử sơ thẩm 21/9/2022 (thời điểm thoả thuận theo bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (155 tháng), diện tích còn lại của thửa đất sau khi bị thu hồi ($110,3 \text{ m}^2 \times 2.500.000\text{đồng/m}^2$) $\times 0,8\% / \text{tháng} \times 155 \text{ tháng} = 341.930.000\text{đ}$ thấy rằng:*

Thửa đất bị thu hồi $61,7 \text{ m}^2$ còn lại diện tích $110,3 \text{ m}^2$ được bồi thường ngày 02/10/2009, sau đó bà H đã làm nhà trên đất còn lại $110,3 \text{ m}^2$ và được bồi thường tái định cư diện tích 200 m^2 , tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 20 bà H quản lý. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, bà Chủ Thị S, bà Chủ Thị H đều xác định các tài sản này có nguồn gốc của cụ T và đã đưa những tài sản này vào để chia cho các đồng thừa kế. Bản án số 20/2022/DSST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thể

hiện các bên đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc định đoạt di sản của cụ T để lại và đề nghị Tòa án công nhận.

Bà Chủ Thị S cho rằng, bà Chủ Thị H là người quản lý di sản nên phải bồi thường, trong khi căn cứ Điều 618 của Bộ luật dân sự quy định thì bà Chủ Thị H là người quản lý di sản mới là người có quyền đề nghị thanh toán công sức quản lý, duy trì di sản thừa kế. Không quy định người quản lý di sản phải bồi thường thiệt hại từ việc duy trì di sản thừa kế nên bà S lại đòi bồi thường là không đúng quy định tại Điều 618 của Bộ luật dân sự nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bà S đưa ra thiệt hại căn cứ vào giá trị tài sản định giá trong vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 83/2019/TLST-DS ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ về chia di sản thừa kế và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được giải quyết tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022 để làm cơ sở để bà S yêu cầu bà H phải trả số tiền thiệt hại 1.236.650.000 đồng là không có căn cứ bởi lẽ: Việc định giá để xác định giá trị quyền sử dụng đất để chia trong vụ án chia di sản thừa kế, không phải định giá để tính thiệt hại nên việc bà S lấy giá trị tài sản định giá làm căn cứ chia di sản thừa kế để làm căn cứ tính thiệt hại là không có căn cứ. Trong khi đó, giữa bà S và bà H không có hợp đồng dân sự giữa các bên ràng buộc về việc cho thuê quyền sử dụng đất hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xác định thiệt hại khi các bên có lỗi hay hợp đồng vay tài sản giữa hai bên và quy định lãi suất vay giữa các bên để tính theo % lãi suất vì vậy không có sở sở để xác định thiệt hại theo yêu cầu của bà S đối với bà H.

Mặt khác, nguồn gốc tài sản là di sản thừa kế của bố mẹ các bà là cụ Chủ Văn B và cụ Nguyễn Thị T. Đến năm 2022 mới được giải quyết tranh chấp di sản thừa kế tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DSST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, "...*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chủ Thị S. Xử: " Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị N, cụ Chủ Văn B, cụ Nguyễn Thị T..."* đồng thời, giao bà S, bà H và những người thừa kế khác được hưởng di sản. Như vậy, việc yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Chủ Thị S là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Chủ Thị S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Chủ Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Chủ Thị S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê

Căn cứ vào Điều 584 của Bộ luật dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chử Thị S đề nghị bà Chử Thị H phải bồi thường thiệt hại đối với thửa đất số 644C, tờ bản đồ số 14, tại khu I, xã S, huyện C, tỉnh Phú Thọ của bà Chử Thị S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng từ ngày 22/12/1999 (nay là khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa đất số 644A ngày 08/6/2007, đến ngày 21/9/2022, số tiền 1.236.650.000 đồng (Một tỷ hai trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Buộc bà Chử Thị S phải chịu số tiền 49.099.500đ (Bốn mươi chín triệu không trăm chín mươi chín nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Chử Thị S đã nộp tạm ứng án phí 23.920.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008225 ngày 04 tháng 10 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Bà Chử Thị S còn phải nộp 25.179.500đ (Hai mươi lăm triệu một trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Bà Chử Thị S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận bà Chử Thị S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0004915 ngày 05/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND H. Cẩm Khê;
- Chi cục THADS H. Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Lưu HS - AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền

